

Bản án số: 71/2024/DS-PT

Ngày 31/12/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam và ông Trần Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:** Bà Nguyễn Thị Linh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLPT - DS, ngày 18 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS - ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2024/QĐ-PT, ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Vũ Việt Q, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt);

* **Bị đơn:** Bà Mai Thị S, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Bùi Quốc H, sinh năm 1979. Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh V; Địa chỉ: Số nhà F, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt);

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Dương Mạnh K, sinh năm 1977 và bà Đỗ Thị D, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (ông K có mặt, bà D vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Chị T1 có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án; Anh T2 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Mai Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Vũ Viết Q trình bày:*

Trong năm 2018 và 2019, do có mối quan hệ là chị họ của ông Dương Mạnh K, địa chỉ thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nên ông K và vợ Đỗ Thị D có cho bà Mai Thị S, sinh năm 1967; địa chỉ tại thôn C, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vay tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) với lãi suất là 1,5%/tháng. Số tiền vay các lần cụ thể như sau :

Ngày 27/12/2018 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 09/01/2019 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 18/01/2019 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 02/02/2019 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 28/6/2019 vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Ngày 12/7/2019 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 17/7/2019 vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Về việc trả nợ và lãi suất thì bà S đã nhiều lần trả nợ cho ông K, bà D, đến nay đã trả hết cho ông K, bà D số nợ gốc trên nhưng còn nợ lại số tiền lãi tính từ ngày 10/8/2020 đến ngày 30/12/2020 còn nợ 118.425.000đ (Một trăm mười tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Đến nay sau nhiều lần ông K, bà D yêu cầu bà S trả cho ông bà số tiền trên nhưng bà S không trả, việc làm trên của bà S đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, bà D. Căn cứ theo bảng tính lãi vay (S là bên vay – bên cho vay là Dương K) mà bà S xác nhận thì bà còn nợ 118.425.000 đồng với thỏa thuận trả lãi theo khả năng tài chính không cố định (thường sẽ trả trong khoảng 2-3 tháng một lần). Nhưng đến nay bà S đã vi phạm cam kết, không chịu trả lãi cho ông K, bà D. Nhiều lần trốn tránh khi ông K, bà D đến nhà đòi nợ. Đến nay ông K, bà D không thể đòi lại khoản nợ của bà S nên đã thực hiện thủ tục chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ cho ông và trao toàn quyền yêu cầu trả nợ cũng như lãi suất đi kèm của bà S nợ cho ông vào ngày 15/9/2023. Ngày 22/9/2023 ông K, bà D đã gửi văn bản thông báo chuyển giao quyền yêu cầu cho ông đến bà S và cùng ngày ông cũng gửi giấy thông báo yêu cầu trả nợ lần 1 cho bà S để thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho ông. Ngày 05/9/2023 bà S đã gửi Bản phản hồi ý kiến xác nhận đã nhận được đơn yêu cầu trả nợ của ông bằng văn bản gửi qua đường bưu điện vào ngày 04/10/2023.

Theo đơn khởi kiện ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà S trả lại cho ông số tiền lãi còn nợ là 118.425.000 đồng kèm theo lãi suất chậm trả phát sinh từ lãi gốc là 35 tháng với số lãi hàng tháng là 1,5%, tổng cộng là 40.971.840 đồng. Tổng số tiền ông yêu cầu bà S phải trả là 159.396.840 đồng.

Tại phiên tòa ông thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, tính phần tiền lãi kể từ tháng 01/2021 đến hết tháng 8/2024 (44 tháng) với lãi suất 0,833%/tháng. Tổng số tiền lãi còn nợ ông yêu cầu bà S phải trả $118.425.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 44 \text{ tháng} = 43.405.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền ông Q yêu cầu bà S phải trả là $118.425.000 + 43.405.000 \text{ đồng} = 161.830.000 \text{ đồng}$.

*** Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà Mai Thị S trình bày:**

Do có mối quan hệ là họ hàng với vợ chồng ông Dương Mạnh K và bà Đỗ Thị D. Trong năm 2018 và 2019 bà có vay của vợ chồng ông K, bà D nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 27/12/2018 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 09/01/2019 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 18/01/2019 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 02/02/2019 vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

Ngày 28/6/2019 vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Ngày 12/7/2019 vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 17/7/2019 vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

Ngày 25/11/2019 số tiền lãi nhập gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);

Về cách thức vay: Mỗi lần vay tiền bà D đưa giấy cho bà yêu cầu bà viết rõ số tiền nợ hoặc trả nợ các giấy tờ này, bà đã ký và đưa lại bản gốc cho bà Dương G. Đến ngày 25/11/2019 tại nhà bà D, bà và bà D cùng nhau làm việc để tính lãi và tính được số tiền lãi là 150.000.000 đồng. Bà D và bà thống nhất cộng tổng tất cả các khoản vay và tiền lãi vào một giấy để tiện theo dõi. Bà đã viết giấy đề ngày 26/11/2019 tổng số tiền vay là 2.050.000.000 đồng, bà D giữ lại giấy này và trả cho bà các giấy tờ vay đã viết trước.

Tuy nhiên, khi bà và bà D cộng gộp tiền vay thì quên không tính số tiền 300.000.000 đồng bà nhờ con gái là chị Nguyễn Thị T1 đã trả cho bà D ngày 18/9/2019. Có sự việc quên này là bởi vì nội dung chị T1 trả 300.000.000 đồng được viết vào mặt sau của giấy vay tiền.

Sau đó, bà tiếp tục vay thêm tiền của vợ chồng ông K, bà D cụ thể như sau:

Ngày 24/01/2020 Nguyễn Văn T2 (là con trai) nhận hộ tiền bà vay, số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Ngày 12/02/2020 bà vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Ngày 29/02/2020 bà vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

Chốt đến ngày 30/12/2020 bà đã trả hết toàn bộ số tiền vay cho ông K, bà D. Sau đó bà có lập bảng tính lãi vay thể hiện lãi vay từ ngày 07/11/2020 chuyển lãi công nợ trang 9-8-2020 là 20.000.000 đồng; Từ ngày 10/8/2020 đến ngày 08/9/2020 tiền lãi là 25.900.000 đồng; từ ngày 09/9/2020 đến ngày 06/11/2020 tiền lãi là 42.050.000 đồng; từ ngày 07/11/2020 đến ngày 30/12/2020 tiền lãi là 30.475.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 118.425.000 đồng, bảng tính lãi có chữ ký xác nhận của bên vay là bà và chữ ký xác nhận của bên cho vay là bà Đỗ Thị D.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà phải trả tổng số tiền 161.830.000 đồng. Bà không nhất trí vì bà xác định đã trả thừa số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8/2024 bà có yêu cầu độc lập với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Mạnh K và bà Đỗ Thị D với nội dung trong số tiền lãi hai bên chốt vào ngày 30/12/2020 là 118.425.000 đồng đã bao gồm cả tiền lãi của khoản trả thừa 300.000.000 đồng tính từ ngày 18/9/2019 đến ngày 30/12/2020 với lãi suất 1,5%/tháng, tương đương 01 năm, 03 tháng, 11 ngày là 69.150.000 đồng. Như vậy số tiền lãi thực bà còn nợ là 118.425.000 đồng - 69.150.000 đồng = 49.275.000 đồng. Số tiền còn lại bà đề nghị ông K và bà D phải thanh toán cho bà là 300.000.000 đồng - 49.275.000 đồng = 250.725.000 đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bà.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Cao T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Bùi Quốc H trình bày tại cấp sơ thẩm:**

Nhất trí với phần trình bày của bị đơn. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà S phải trả số tiền 161.830.000 đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn bà Mai Thị S. Buộc ông Dương Mạnh K và bà Đỗ Thị D phải thanh toán cho bà Mai Thị S số tiền 250.725.000 đồng.

*** Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Mạnh K và bà Đỗ Thị D trình bày tại cấp sơ thẩm:**

Căn cứ vào giấy vay tiền các ngày 27/12/2018, ngày 09/01/2019, ngày 18/01/2019, ngày 02/02/2019, ngày 28/6/2019, ngày 12/7/2019 và ngày 17/7/2019. Bà Mai Thị S nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông bà, tổng số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Về việc trả nợ và lãi suất bà S đã nhiều lần trả nợ cho ông bà, đến nay đã trả hết nợ số tiền nợ gốc trên nhưng còn nợ lại tiền lãi từ ngày 10/8/2020 đến ngày 30/12/2020 là 118.425.000 đồng. Đến nay sau nhiều lần ông bà yêu cầu bà S trả số tiền trên nhưng bà S không trả. Việc làm trên của bà S đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà, nhiều lần trốn tránh khi ông bà đòi nợ. Nay ông bà thực hiện việc chuyển giao quyền yêu cầu trả nợ cho ông Vũ Viết Q. Ông Q toàn quyền quyết định việc yêu cầu trả nợ và lãi suất của bà S với vợ chồng ông bà. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu độc lập của bị đơn bà Mai Thị S buộc ông bà có nghĩa vụ thanh toán số tiền 250.725.000 đồng. Ông bà không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại cấp sơ thẩm trong bản trình bày người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày tại cấp sơ thẩm:**

Mẹ ông là bà Mai Thị S có nhờ ông 02 lần tới nhà ông bà Dương K để lấy tiền hộ mẹ ông, cụ thể ngày 12/7/2019, bà D có đưa cho ông số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, bà D đưa cho ông tờ giấy vay tiền bảo ông viết và ký tên với nội dung: “Ngày 12/7/2019, cháu T2 lấy mẹ Dương Kiên số tiền 200.000.000 VNĐ

(Hai trăm triệu đồng chẵn)”. Ngày 24/01/2020, bà D đưa cho ông 100.000.000 đồng và bảo ông là cháu cứ về, nợ sẽ ghi vào giấy nợ của mẹ cháu. Sau khi nhận tiền từ bà D, ông đã bàn giao toàn bộ số tiền trên cho mẹ ông. Ông không biết thỏa thuận hay nội dung vay nợ cụ thể giữa mẹ ông và ông bà Dương K như thế nào. Ông cam kết những nội dung trình bày trên của ông hoàn toàn là sự thật. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Tại Bản trình bày người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày tại cấp sơ thẩm:**

Vào ngày 18/9/2019, mẹ bà là bà Mai Thị S có đưa cho bà số tiền mặt là 300.000.000 đồng và nhờ bà chuyển trả nợ giúp cho ông bà Dương K (bà gọi là cậu mợ) toàn bộ số tiền này. Bà đã đến tận nhà ông bà Dương K và bàn giao toàn bộ số tiền mặt là 300.000.000 đồng cho bà D. Bà D đã kiểm tra, kiểm đếm và xác nhận với bà đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó, bà D đưa cho bà tờ giấy để bà viết nội dung cụ thể như sau: “18/9/19: Cháu T1 trả (hộ mẹ S) cho mợ Dương K số tiền: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn)”. Bà cam kết những nội dung trình bày nêu trên hoàn toàn là sự thật. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định pháp luật.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST, ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 365, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Vũ Viết Q đối với bà Mai Thị S.

Buộc bà Mai Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Viết Q tổng số tiền lãi là 161.830.000 đồng (Một trăm sáu một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Mai Thị S buộc ông Dương Mạnh K và bà Đỗ Thị D phải trả số tiền 250.725.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2024 bị đơn bà Mai Thị S kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tuyên. Yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Viết Q và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Vũ Viết Q giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương. Ông cho rằng việc ông K, bà D và bà S vay nợ tiền nhau như thế nào ông không nắm được và cũng không được chứng kiến. Ông chỉ nhận chuyển giao đòi số tiền lãi bà S chưa trả cho vợ chồng ông bà Dương K là 118.452.000 đồng. Tuy trong giấy chốt nợ hai bên không thỏa thuận tính lãi và hạn ngày trả nợ nhưng do các bên đã chốt nợ với nhau nên ông yêu cầu bà S có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn nợ lại và lãi xuất phát sinh của số tiền lãi cho ông theo giấy chuyển giao quyền đòi của ông K, bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo bị đơn bà Mai Thị S đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà. Bà S trình bày quá trình vay nợ tiền với vợ chồng ông K, bà D, bà đã trả thừa cho vợ chồng ông K, bà D số tiền là 300.000.000 đồng. Số tiền này bà trả cho nợ gốc nhưng vẫn chịu lãi từ ngày 18/9/2019 đến ngày 30/12/2020 với lãi suất là 1.5%/tháng với tổng số tiền lãi phải chịu là 69.150.000 đồng. Số tiền lãi hai bên chốt vào ngày 30/12/2020 là 118.425.000đ (*Một trăm mười tám triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), là các khoản lãi cộng dồn trong đó đã bao gồm tiền lãi của khoản bà trả thừa 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) từ ngày 18/9/2019, tính đến ngày 30/12/2020 với lãi suất 1,5% /tháng, tương đương 1 năm 03 tháng 11 ngày là 69.150.000đ (*Sáu mươi chín triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*). Như vậy, số tiền lãi thực tế bà chỉ còn nợ ông K, bà D là 118.425.000 đồng - 69.150.000 đồng = 49.275.000 đồng.

Số tiền bà đề nghị ông bà Dương K thanh toán do bà trả thừa là: 300.000.000 đồng - 49.725.000 đồng = 250.725.000 đồng. Tính đến ngày 30/12/2020 ông bà Dương K phải trả lại cho bà số tiền 250.725.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) gốc và trả cho bà số tiền lãi suất chậm trả từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/12/2024 (thời điểm tạm tính) theo lãi suất 12%/năm. Số tiền lãi bà yêu cầu ông bà Dương K phải trả là 250.725.000đ x 12% /năm x 3 năm 11 tháng = 117.840.750 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi bà yêu cầu ông bà Dương K phải trả là: 250.725.000 đồng + 117.840.750 đồng = 368.565.750đ (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Về tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu phản tố trong quá trình giải quyết vụ án bà đã cung cấp các giấy vay nợ bản gốc và tại phiên tòa bà đã giải trình các khoản vay, các khoản đã trả và chốt lãi chưa trả là các giấy vay tiền có trong hồ sơ vụ án. Bà xác định bà là người lập bảng các khoản vay gốc, đồng thời tính lãi trên khoản tiền vay gốc để chốt lãi vào ngày 30/12/2020, phía nguyên đơn cũng đã thừa nhận số tiền lãi trên nợ gốc đã chốt và dùng những giấy vay có trong hồ sơ vụ án do bà cung cấp để làm căn cứ khởi kiện bà, nên bà đề nghị cấp phúc thẩm xét xét chấp nhận yêu cầu phản tố của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn K1 trình bày: Ông và vợ là bà D nhiều lần cho bà S vay tiền, số tiền cho vay là tài sản chung của vợ

chồng. Ông thừa nhận ngày 18/9/2019 chị T1 con bà S có trả cho vợ ông là bà D số tiền 300.000.000 đồng, mặc dù khi trả ông không tận mắt chứng kiến nhưng ông có nghe bà D nói lại vì đây là tài sản chung của vợ chồng nên vợ chồng vẫn trao đổi với nhau. Ông khẳng định số tiền 300.000.000 đồng chị T1 trả hộ bà S là trả cho khoản vay khác không nằm trong khoản vay hơn hai tỷ mà các bên sử dụng để tính lãi suất trong vụ án này, còn trả cho khoản vay nào ông không nắm được vì vợ ông T3 là người cho vay tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Chị là con gái bà S, vào ngày 18/9/2019 mẹ chị có việc bận nên có nhờ chị mang số tiền 300.000.000 đồng trả hộ mẹ chị là bà Mai Thị S, khi trả tiền bà D là người nhận tiền, sau đó, bà D đưa cho bà tờ giấy để bà viết nội dung cụ thể như sau: “18/9/19: *Cháu T1 trả (hộ mẹ S) cho vợ Dương K1 số tiền: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn)*” đây cũng chính là tờ giấy biên nhận ghi trang 01, trong đó một mặt trước thể hiện trong các ngày 27/12/2018 mẹ chị vay 200.000.000 đồng, ngày 09/01/2019 mẹ chị lấy thêm 200.000.000 đồng, ngày 18/01/2019 lấy thêm 200.000.000 đồng, ngày 02/02/2019 vay thêm 100.000.000 đồng, còn mặt sau ghi trang 02 chị trả số tiền 300.000.000 đồng như trên (bút lục 92 trong hồ sơ). Chị đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của mẹ chị bà S đối với vợ chồng ông K1, bà D đối với khoản tiền chị đã trả hộ mẹ chị vào ngày 18/9/2019 như trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 của BLTTDS năm 2015.

Hội đồng xét xử phúc thẩm và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 48, 49, 54 BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị S là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết phần án phí buộc bị đơn bà Mai Thị S phải chịu 20.627.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng không trừ số tiền bị đơn đã nộp tạm ứng án phí là 6.268.000đ là thiếu sót ảnh hưởng quyền lợi của đương sự. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 BLTTDS sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 23 ngày 26/9/2024 của TAND huyện Sơn Dương về phần án phí. Buộc bà M phải chịu 14.359.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Mai Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng:

Ngày 09/10/2024, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn là bà Mai Thị S. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Do có mối quan hệ họ hàng nên bà Đỗ Thị D và ông Dương Mạnh K nhiều lần cho bà Mai Thị S vay tiền, tổng số tiền gốc là 2.450.000.000đ (*Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*) số tiền gốc đã được bà S trả hết cho ông bà Kiên D1. Ngày 30/12/2020 bà D1 đã tính toán chốt số tiền lãi bà cho rằng bà S còn nợ của bà D1 là 118.425.000 đồng (thể hiện tại tài liệu ghi trang 10, bút lục 84 trong hồ sơ). Do bà S chưa trả số tiền này cho bà nên ngày 15/9/2023 ông bà Kiên D1 đã lập biên bản chuyển giao quyền đòi nợ bà S số tiền trên cho ông Vũ Viết Q (*bút lục 06*). Cùng ngày ông Q gửi thông báo về việc chuyển giao quyền đòi nợ cho bà S; ngày 22/9/2024 ông Q gửi đơn yêu cầu trả nợ lần 1 cho bà S. Đến ngày 05/10/2023 bà S có đơn phản hồi ý kiến về việc yêu cầu trả nợ của ông Q (*bút lục 10*). Ngày 27/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương nhận được đơn khởi kiện của ông Vũ Viết Q kiện đòi bà S số tiền 118.425.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa ông Q thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, tính phần tiền lãi kể từ tháng 01/2021 đến hết tháng 8/2024 (44 tháng) với lãi suất 0,833%/tháng. Tổng số tiền lãi còn nợ ông yêu cầu bà S phải trả 118.425.000 đồng x 0,833% x 44 tháng = 43.405.000 đồng. Tổng số tiền ông Q yêu cầu bà S phải trả là 118.425.000 + 43.405.000 đồng = 161.830.000 đồng. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương thụ lý vụ án bà S đã gửi bản tự khai cho Tòa án, trong bản tự khai bà trình bày quá trình vay nợ và trả tiền cho ông bà Kiên D1 nhưng do tính nhầm dẫn đến hai bên chưa chốt được số nợ chính xác nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà cũng không phản đối việc ông Q nhận chuyển nhượng quyền đòi nợ của ông bà Kiên D1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S cũng không phản đối việc ông Q đứng ra khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền lãi còn thiếu. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương thụ lý vụ án để giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Mai Thị S phải trả cho ông Quân số tiền 161.830.000đ (*Một trăm sáu mươi một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*). Do không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương bà Mai Thị S đã làm đơn kháng cáo gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

[3]. Về nội dung kháng cáo của bà Mai Thị S:

Bà S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông K, bà D1 và bà S đều thừa nhận những khoản vay trong các ngày: 27/12/2018, 09/01/2019, 18/01/2019, 02/02/2019, 28/6/2019, 12/7/2019 và 17/7/2019 tổng 1.900.000.000đ (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) là tiền vay gốc, các lần vay này đều là khoản vay độc lập, giấy sau không phải khoản cộng dồn tiền vay mới với khoản nợ cũ. Ngày 26/11/2020 hai bên chốt nợ lần 1 gồm tiền gốc các lần vay trên là 1.900.000.000đ (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) và tiền lãi của các lần vay là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) viết thành một giấy vay, cộng vào thành số tiền gốc là 2.050.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*) – *Bút lục 88*.

Tại trang số 2 của *Bút lục 92* có nội dung “18/9/2019. Cháu T1 trả (hộ mẹ S) cho mẹ Dương K số tiền: 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng chẵn*)”.

Tại dòng cuối cùng của *bút lục 91* có một mã ghi thể hiện khoản vay 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 17/9 đến 25/11/2019. Số tiền này ông K xác định ngày 17/9/2019 không được cho bà S vay khoản tiền nào. Bà S trình bày đây là khoản tiền còn lại sau khi ngày 18/9/2019 bà nhờ chị T1 (con gái) trả cho ông bà Dương K số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) trả cho khoản vay 500.000.000 đồng vay ngày 17/7/2019. Bà S cũng giải thích lý do ngày 18 trả tiền nhưng lại viết ngày 17 là bởi vì chênh nhau có một ngày nên hai bên thống nhất viết ngày 17 để cho tròn tháng, không bị lẻ một ngày.

Như vậy có căn cứ để xác định số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) là trả cho khoản vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) ngày 17/7/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa bà D1, ông K đều thừa nhận ngày 18/9/2019 có nhận số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) từ chị T1 trả hộ bà S, nhưng ông bà Kiên D1 không nhớ trả cho khoản vay nào, ông bà cho rằng đây là trả cho khoản vay nóng nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh khoản vay ông bà trình bày. Như vậy có sự việc bà S trả tiền, ông bà Kiên D1 được nhận tiền và có bút tích ghi lại. Nhưng khi chốt nợ lần đầu vào ngày 26/11/2019 lại không trừ số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) bà S đã trả dẫn đến số tiền nợ chốt ngày 26/11/2019 là 2.050.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*) mà không trừ đi cho bà S số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*).

Sau đó, trong các ngày 24/01/2020, 12/02/2020 và ngày 29/02/2020 bà S vay thêm tổng số tiền gốc là 400.000.000 đồng. Các khoản vay này cũng đều là khoản vay độc lập, giấy vay sau không phải là khoản cộng dồn của giấy trước. Số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc hai bên không có vướng mắc gì, đều thừa nhận là vay gốc. Như vậy, cộng tất cả các khoản vay gốc (10 lần) là 2.450.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*).

Tổng số tiền gốc bà S đã trả gồm: Ngày 18/9/2019 trả 300.000.000 đồng; ngày 03/01/2024 trả 600.000.000 đồng; ngày 08/9/2020 trả 400.000.000 đồng; ngày 06/11/2020 trả 300.000.000 đồng và ngày 30/12/2020 trả 1.150.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà S đã trả là 2.750.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm năm*

mười triệu đồng). Số tiền gốc bà S đã trả chênh lệch lên 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) so với số tiền gốc bà S đã vay là 2.450.000.000 đồng số tiền 300.000.000 đồng chưa được ông bà Kiên Dương T4 cho bà S nên bà S yêu cầu phản tố buộc ông K bà D1 phải trả lại cho bà số tiền trên đây là có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm ông bà Kiên D1 đều thừa nhận đã nhận đủ số tiền gốc đã cho bà S vay và bà S chỉ còn nợ lại 118.425.000 đồng tiền lãi chốt đến ngày 30/12/2020. Ông bà Kiên D1 cũng khẳng định số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) chị T1 trả hộ bà S không nằm trong khoản tiền gốc đã cho bà S vay và bà S đã trả đủ theo giấy vay tiền có trong hồ sơ vụ án (bút lục 82 đến 92). Như vậy do khi chốt nợ vào ngày 26/11/2019 không trừ số tiền gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) đã trả ngày 18/9/2019 dẫn đến bà S vẫn phải chịu khoản lãi của số tiền gốc đã trả từ ngày 18/9/2019 đến ngày 30/12/2020 là ngày bà Dương K chốt tiền lãi (tổng là 1 năm 3 tháng 11 ngày với lãi suất 1,5% một tháng) tổng số tiền lãi được tính là 69.150.000đ (Sáu mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bà S buộc ông K bà D1 phải trả lại cho bà S số tiền 300.000.000 đồng, nên cần phải trừ cho bà S số tiền lãi 69.150.000đ (Sáu mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) trong tổng số tiền lãi ông Q khởi kiện yêu cầu trả là 118.425.000đ (Một trăm mười tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Số tiền lãi bà S còn phải trả là 49.275.000đ (Bốn mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp.

Tại Bản phản hồi ý kiến về việc đơn yêu cầu trả nợ đề ngày 05/10/2023 (bút lục 10) và trong quá trình giải quyết vụ án bà S đều nhận sẽ trả nợ nhưng do chốt nợ có sự nhầm lẫn dẫn đến số lãi cũng sai, bà S đã hẹn vợ chồng Dương K để chốt và tính lại lãi nhưng vợ chồng bà Dương K không gặp nên bà chưa trả chứ không trốn tránh trả nợ. Mặt khác trong giấy chốt nợ ngày 30/12/2020 (bút lục 84) xác định đây là khoản tiền lãi đã được tính lãi trên các khoản vay gốc nên không tính lãi tiếp là phù hợp, ngoài ra sau khi chốt lãi các bên không thoả thuận tính lãi tiếp nếu vi phạm thời hạn trả nợ khoản tiền lãi này, trong giấy chốt nợ lãi cũng không chốt thời hạn trả số tiền lãi còn nợ nên bà S không phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền lãi 118.425.000 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên có đủ căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà S cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương về việc buộc bà S phải trả số tiền cho ông Q như đã phân tích nêu trên, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của bà S yêu cầu vợ chồng bà D1, ông K phải trả cho bà S số tiền gốc đã trả thừa so với số tiền gốc đã vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là phù hợp.

[4]. Về yêu cầu tính lãi của bà S đối với số tiền 300.000.000 đồng và đối trừ nghĩa vụ trả nợ cụ thể bà S yêu cầu: 300.000.000 đồng - 49.725.000 đồng = 250.725.000 đồng, tính đến ngày 30/12/2020 ông bà Dương K phải trả lại cho bà số tiền 250.725.000đ (Hai trăm năm mươi triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) gốc và trả cho bà số tiền lãi suất chậm trả từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/12/2024 (thời điểm tạm tính) theo lãi suất 12%/năm. Số tiền lãi bà yêu cầu ông bà Dương K phải trả là 250.725.000đ x 12% /năm x 3 năm 11 tháng = 117.840.750 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi bà yêu cầu ông bà Dương K phải trả là: 250.725.000

đồng + 117.840.750 đồng = 368.565.750đ (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy:

Số tiền 300.000.000 đồng là khoản tiền bà S đã trả thừa cho bà D1 ông K chứ không phải là khoản tiền bà S cho vợ chồng bà D1 ông K vay, không có thỏa thuận về lãi suất cho vay và thời hạn trả nợ nên chỉ buộc bà D1 ông K phải trả lại tài sản là khoản tiền trên cho bà S mà không phải chịu lãi của khoản tiền này là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét cho bà S khoản tiền trên đồng thời buộc nghĩa vụ trả nợ khoản tiền này cho bà S thuộc về ông K, bà D1, còn nghĩa vụ trả nợ khoản tiền lãi bà S phải trả cho ông Q vì bà D1, ông K đã chuyển nhượng quyền đòi nợ của ông bà cho ông Q, cũng được bà S chấp nhận điều này phù hợp với yêu cầu khởi kiện của ông Q mà không đối trừ nghĩa vụ trả nợ như yêu cầu của bà S là phù hợp.

[4]. Về án phí căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự phải thực hiện cụ thể:

Nghĩa vụ chịu án phí của bà Mai Thị S: Cấp sơ thẩm buộc bà S phải chịu số tiền 20.627.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch trong khi bà S đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.268.000 đồng, nhưng không được khấu trừ cho bà S là thiếu sót. Nay cấp phúc thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Q buộc bà S phải thanh toán cho ông Quân số tiền là 49.275.000 đồng; đồng thời Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc bà D1, ông K phải thanh toán số tiền là 300.000.000 đồng mà không phải số tiền 368.565.750 đồng như yêu cầu của bà S, số tiền không được chấp nhận là 68.565.750 đồng, nên bà S phải chịu án phí có giá ngạch đối với các khoản tiền trên là phù hợp.

Nghĩa vụ chịu án phí của ông Vũ Việt Q: Ông Q phải chịu án phí có giá ngạch đối với khoản tiền không được chấp nhận là 161.830.000 đồng - 49.275.000 đồng = 112.555.000 đồng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ chịu án phí của bà Đỗ Thị D và ông Dương Mạnh K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S buộc bà D, ông K cùng phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà S số tiền là 300.000.000 đồng, nên bà D, ông K cùng phải có nghĩa vụ chịu án phí có giá ngạch tương ứng là phù hợp.

[5]. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; 357; 365; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Vũ Viết Q đối với bà Mai Thị S.

Buộc bà Mai Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Viết Q tổng số tiền lãi là 49.275.000đ (*Bốn mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Mai Thị S.

Buộc ông Dương Mạnh K và bà Đỗ Thị D có nghĩa vụ liên đới thanh toán bà Mai Thị S số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Trong đó bà Đỗ Thị D phải thanh toán cho bà Mai Thị S số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), ông Dương Mạnh K phải thanh toán cho bà Mai Thị S số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

3. Về án phí:

Bà Mai Thị S phải chịu 5.892.037 đồng án phí dân sự có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền 6.268.000 đồng bà S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001385 ngày 16/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bà S đã nộp đủ tiền án phí dân sự có giá ngạch. Trả lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 375.963 đồng.

Ông Vũ Viết Q phải chịu 5.627.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nhưng được trừ vào số tiền 3.985.000 đồng ông Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001388 ngày 02/4/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ông Q phải nộp tiếp số tiền 1.642.750 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Bà Đỗ Thị D và ông Dương Mạnh K cùng liên đới chịu số tiền 15.000.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch. Ông K, bà D mỗi người phải chịu 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Mai Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001573 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang ngày 21/10/2024.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (31/12/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam Trần Anh Tuấn

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Xuân Thủy

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam Trần Anh Tuấn

Nguyễn Xuân Thủy